BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
*
Số 1073 -QĐ/VHLKHCNVN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
về việc công khai dự toán ngân sách năm 2026

- Căn cứ Quyết định số 17-QĐ/TW, ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP, ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC, ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 1037-QĐ/VHLKHCNVN, ngày 10/7/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch và dự toán NSNN năm 2026 đối với Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường, Viện Hải dương học;

- Căn cứ Quyết định số 1038-QĐ/VHLKHCNVN, ngày 10/7/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch và dự toán NSNN năm 2026 đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo công nghệ cao, Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 1039-QĐ/VHLKHCNVN, ngày 10/7/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch và dự toán NSNN năm 2026 đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo công nghệ cao, Trung tâm Dữ liệu và Thông tin khoa học;

- Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính.

CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch Viện;
- Cổng TTĐT Viện Hàn lâm;
- Lưu VT, KHTC.

QTP-14

K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Lê Trường Giang

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
CHƯƠNG: 046

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số1073 -QĐ/VHLKHCNVN ngày 16 /7/2026 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại, khoản	Giảm dự toán Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường	Tăng dự toán Viện Hải dương học	Giảm dự toán Trung tâm Đổi mới sáng tạo công nghệ cao	Tăng dự toán Trung tâm Dữ liệu và Thông tin khoa học	Tăng dự toán Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
I	**Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (L100)**	**10.729.610.213**	**10.729.610.213**	**2.784.271.091**	**770.190.091**	**2.014.081.000**
1	***Nghiên cứu cơ bản (L100 K101)***	***9.688.210.213***	***9.688.210.213***	***2.784.271.091***	***770.190.091***	***2.014.081.000***
	Quỹ tiền thưởng	445.180.320	445.180.320	82.381.000	32.011.000	50.370.000
	Kinh phí không thường xuyên	4.670.929.893	4.670.929.893	2.701.890.091	738.179.091	1.963.711.000
	Kinh phí nhiệm vụ KHCN	4.572.100.000	4.572.100.000			
	Trong đó: Kinh phí khoán	*4.054.904.845*	*4.054.904.845*			
	Kinh phí không giao khoán	*517.195.155*	*517.195.155*			
2	***Nghiên cứu ứng dụng (L100 K102)***	***460.000.000***	***460.000.000***			
	Trong đó: Kinh phí khoán	*387.600.000*	*387.600.000*			
	Kinh phí không giao khoán	*72.400.000*	*72.400.000*			
3	***Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội (L100 K103)***					
	Trong đó: Kinh phí khoán					
	Kinh phí không giao khoán					
4	***Hạ tầng, thiết bị phát triển khoa học và công nghệ (L100 K107)***	***581.400.000***	***581.400.000***			
5	***Khoa học và công nghệ khác (L100 K108)***					
II	**Chi sự nghiệp kinh tế (L280 K332)**	**402.965.236**	**402.965.236**			
III	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (L250 K251)**					
IV	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin (L160K161)**	**90.000.000**	**90.000.000**			
Cộng		**11.222.575.449**	**11.222.575.449**	**2.784.271.091**	**770.190.091**	**2.014.081.000**